TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08-4-2021
V/v ly hôn và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thị Thu Hương

2. Ông Phạm Hoàng Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc " Ly hôn, chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Việt T, sinh năm 1992 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Cao Hữu P, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2020 nguyên đơn chị Lê Việt T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống không được hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn cự

cải, anh P có nhiều lời lẽ xúc phạm đến uy tín và danh dự của chị T nên chị T không thể chung sống được với anh P, chị T và anh P sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị T xác định, vợ chồng anh chị không có con chung.

Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng có 10 chỉ vàng 24k loại vàng 98% (vàng được cha mẹ cho khi cưới), số vàng 10 chỉ 24k do anh P quản lý cất giữ. Tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu chia đôi 10 chỉ vàng 24k, chị yêu cầu được nhận 05 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, ngày 15/01/2021 chị T có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Chị T xác định, vợ chồng không có nợ chung, không ai nợ vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng anh P không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh P. Về con chung không có. Về tài sản chung: Chị T đã rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị T. Về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị T có đơn xin vắng mặt phiên tòa nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt

đối với chị T. Bị đơn anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh P không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh P.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh P có nơi cư trú tại ấp Đập Đá 1, xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[4] Về nội dung vụ án: Chị T và anh P xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2015, anh và chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường Rạch Sỏi và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị T với anh P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình hai bên đã can thiệp hòa giải nhưng vẫn không thể hàn gắng. Nay chị T yêu cầu ly hôn nhưng anh P không có thiện chí hàn gắng hạnh phúc gia đình, anh không có văn bản thể hiện ý kiến gì để Tòa án xem xét, cố tình vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng Điều 56 (*Ly hôn theo yêu cầu của một bên*) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh P.

[5] Về con chung: Chị T xác định, chị T và anh P không có con chung.

[6] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 30/7/2020 chị T yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu chia tài sản chung, chị yêu cầu được nhận 05 chỉ vàng 24k loại 98%, nay chị T đồng ý rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật

Tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị T về việc chia tài sản chung; nếu sau này chị T khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Chị T không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[7] Về nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị T phải chịu toàn bộ án phí.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 do chị T rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung nên số tiền tạm ứng án phí 500.000đ được hoàn trả cho chị T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Việt T được ly hôn với anh Cao Hữu P.

2. Về con chung: Chị T xác định, chị và anh P không có con chung.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị T về việc chia tài sản chung.

4. Về nợ chung: Chị T xác định, vợ chồng chị T và anh P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí sơ thẩm: Chị Lê Việt T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0003868 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; chị T đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả cho chị Lê Việt T số tiền tạm ứng án phí 500.000đ theo biên lai thu số 0003867 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

6. Nguyên đơn chị T, bị đơn anh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND phường Rạch Sỏi (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng